

**UBND XÃ ĐÌNH LẬP****Phục lục I.1****Thống kê thực trạng thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Đình Lập***(Kèm Phương án của UBND xã, phương trình Sở Nội vụ trình UBND tỉnh)*

| <b>TT</b> | <b>Thôn</b>   | <b>Số hộ gia đình</b> | <b>Thôn ĐBKK</b> | <b>Hiện trạng sáp nhập<br/>(đã sáp nhập năm nào)</b>           | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------|-----------------------|------------------|--|----------------|
| 1         | Thôn 1        | 114                   |                  |  |                |
| 2         | Thôn 2        | 155                   |                  |  |                |
| 3         | Thôn 3        | 185                   |                  |  |                |
| 4         | Thôn 4        | 180                   |                  |  |                |
| 5         | Thôn 5        | 135                   |                  |  |                |
| 6         | Thôn 6        | 123                   |                  |  |                |
| 7         | Thôn 7        | 227                   |                  |  |                |
| 8         | Thôn 8        | 126                   |                  |  |                |
| 9         | Thôn Phật Chi | 97                    |                  |  |                |
| 10        | Thôn Khe Mạ   | 90                    |                  | 2018 (Sáp nhập thôn Khe Mạ và thôn Kéo Khuế thành thôn Khe Mạ) |                |

| <b>TT</b> | <b>Thôn</b>        | <b>Số hộ gia đình</b> | <b>Thôn ĐBKK</b> | <b>Hiện trạng sáp nhập<br/>(đã sáp nhập năm nào)</b>         | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|--------------------|-----------------------|------------------|--|----------------|
| 11        | Thôn Bình Chương 1 | 114                   |                  |  |                |
| 12        | Thôn Bình Chương 2 | 64                    |                  |  |                |
| 13        | Thôn Còn Áng       | 42                    | ĐBKK             |  |                |
| 14        | Thôn Pò Tấu        | 35                    |                  |  |                |
| 15        | Thôn Còn Đuống     | 93                    |                  |  |                |
| 16        | Thôn Kim Quán      | 116                   |                  |  |                |
| 17        | Thôn Tà Hón        | 106                   |                  | 2020 (Sáp nhập thôn Tà Hón và thôn Còn Mò thành thôn Tà Hón) |                |
| 18        | Thôn Bản Chuông    | 51                    |                  |  |                |
| 19        | Thôn Nà Pá         | 80                    |                  |  |                |
| 20        | Thôn Còn Sung      | 63                    |                  |  |                |
| 21        | Thôn Khe Pùng      | 35                    | ĐBKK             |  |                |

| <b>TT</b> | <b>Thôn</b>     | <b>Số hộ gia đình</b> | <b>Thôn ĐBKK</b> | <b>Hiện trạng sáp nhập<br/>(đã sáp nhập năm nào)</b>             | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|-----------------|-----------------------|------------------|--|----------------|
| 22        | Thôn Còn Quan   | 27                    |                  |  |                |
| 23        | Thôn Pò Khoang  | 23                    |                  |  |                |
| 24        | Thôn Ngàn Chả   | 20                    | ĐBKK             |  |                |
| 25        | Thôn Quyết Tiến | 95                    |                  | 2018 (Sáp nhập thôn Pàn Mò và thôn Pò Mát thành thôn Quyết Tiến) |                |
| 26        | Thôn Khe Vuông  | 45                    |                  |  |                |

**UBND XÃ ĐÌNH LẬP****Phục lục I.2****Thống kê thôn chưa đạt tiêu chí quy mô số hộ gia đình  
trên địa bàn xã Đình Lập***(Kèm Phương án của UBND xã, phương trình Sở Nội vụ trình UBND tỉnh)*

| <b>TT</b> | <b>Thôn</b>   | <b>Số hộ gia đình</b> | <b>Thôn ĐBKK</b> | <b>Thôn biên giới</b><br>(địa bàn thôn tiếp giáp trực tiếp với đường biên giới Việt Nam – Trung Quốc) | <b>Phương án đề xuất sáp nhập*</b> | <b>Dự kiến lộ trình sáp nhập</b> | <b>Giải trình ý do không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại (nếu có)</b> |
|-----------|---------------|-----------------------|------------------|---|------------------------------------|----------------------------------|--|
| 1         | Thôn 1        | 114                   |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 2         | Thôn 5        | 135                   |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 3         | Thôn 6        | 123                   |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 4         | Thôn 8        | 126                   |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 5         | Thôn Phật Chỉ | 97                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 6         | Thôn Khe Mạ   | 90                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |

| <b>TT</b> | <b>Thôn</b>        | <b>Số hộ gia đình</b> | <b>Thôn ĐBKK</b> | <b>Thôn biên giới</b><br>(địa bàn thôn tiếp giáp trực tiếp với đường biên giới Việt Nam – Trung Quốc) | <b>Phương án đề xuất sáp nhập*</b> | <b>Dự kiến lộ trình sáp nhập</b> | <b>Giải trình ý do không thực hiện sáp xếp, tổ chức lại (nếu có)</b> |
|-----------|--------------------|-----------------------|------------------|---|------------------------------------|----------------------------------|--|
| 7         | Thôn Bình Chương 1 | 114                   |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 8         | Thôn Bình Chương 2 | 64                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 9         | Thôn Còn Áng       | 42                    | ĐBKK             |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 10        | Thôn Pò Tầu        | 35                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 11        | Thôn Còn Đuống     | 93                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 12        | Thôn Kim Quán      | 116                   |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 13        | Thôn Tà Hón        | 106                   |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 14        | Thôn Bản Chuông    | 51                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 15        | Thôn Nà Pá         | 80                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |

| <b>TT</b> | <b>Thôn</b>     | <b>Số hộ gia đình</b> | <b>Thôn ĐBKK</b> | <b>Thôn biên giới</b><br>(địa bàn thôn tiếp giáp trực tiếp với đường biên giới Việt Nam – Trung Quốc) | <b>Phương án đề xuất sáp nhập*</b> | <b>Dự kiến lộ trình sáp nhập</b> | <b>Giải trình ý do không thực hiện sáp xếp, tổ chức lại (nếu có)</b> |
|-----------|-----------------|-----------------------|------------------|---|------------------------------------|----------------------------------|--|
| 16        | Thôn Còn Sung   | 63                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 17        | Thôn Khe Pùng   | 35                    | ĐBKK             |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 18        | Thôn Còn Quan   | 27                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 19        | Thôn Pò Khoang  | 23                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 20        | Thôn Ngàn Chả   | 20                    | ĐBKK             |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 21        | Thôn Quyết Tiến | 95                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |
| 22        | Thôn Khe Vuông  | 45                    |                  |   | Thực hiện sáp nhập                 | 2026                             |  |

**UBND XÃ ĐÌNH LẬP****Phục lục I.3****Phương án sáp nhập thôn trên địa bàn xã Đình Lập***(Kèm Phương án của UBND xã trình Sở Nội vụ trình UBND tỉnh)*

| TT | THÔN THỰC HIỆN SÁP NHẬP |                |                           |  | THÔN MỚI HÌNH THÀNH SAU SÁP NHẬP, ĐẶT TÊN |                 |                |                           | Nêu lý do các thôn sau sáp nhập chưa đảm bảo tiêu chí số hộ gia đình theo quy định   | Ghi chú |
|----|-------------------------|----------------|---------------------------|--|---|-----------------|----------------|---------------------------|--|---------|
|    | Thôn                    | Số hộ gia đình | Thôn ĐBKK, Thôn biên giới | Nội dung sắp xếp, sáp nhập   | TT  | Tên thôn        | Số hộ gia đình | Thôn ĐBKK, Thôn biên giới |  |         |
| 1  | Thôn 1                  | 114            |                           | Sắp xếp 02 thôn: thôn 1 và thôn 8 thành 01 thôn mới                  | 1   | Thôn Tân Tiến   | 240            |                           |  |         |
| 2  | Thôn 8                  | 126            |                           |  |   |                 |                |                           |  |         |
| 4  | Thôn Khe Vuông          | 45             |                           | Sắp xếp 02 thôn: thôn Khe Vuông và thôn Quyết Tiến thành 01 thôn mới | 2   | Thôn Quyết Tiến | 140            |                           | Sau sáp nhập chưa đảm bảo 150 hộ do địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn. Khoảng cách với thôn liền kề khoảng 10km, nên sáp nhập thêm ảnh hưởng đến công tác quản lý, tổ chức và hoạt động của thôn.                     |         |
| 5  | Thôn Quyết Tiến         | 95             |                           |  |   |                 |                |                           |  |         |
| 6  | Thôn 5                  | 135            |                           | Thực hiện sắp xếp 03 thôn: thôn 5, thôn 6, thôn 7 thành 02 thôn mới  | 3   | Thôn Bình An    | 258            |                           | Thực hiện sắp xếp các thôn 5, thôn 6, thôn 7 cụ thể:<br>- Nhập một phần thôn 6 (71 hộ) vào thôn 5; phần còn lại (52 hộ) nhập vào thôn 7.<br>- Nhập một phần thôn 7 (52 hộ) vào thôn 5; phần còn lại nhập với thôn 6 (175 hộ) |         |
| 7  | Thôn 6                  | 123            |                           |  |   |                 |                |                           |  |         |
| 8  | Thôn 7                  | 227            |                           |  |   |                 |                |                           |  |         |
| 9  | Thôn Còn Đuống          | 93             |                           | Sắp xếp 02 thôn: thôn Còn Đuống                                      | 5   | Thôn Còn        | 200            |                           |  |         |

| TT | THÔN THỰC HIỆN SÁP NHẬP |                |                           |  | THÔN MỚI HÌNH THÀNH SAU SÁP NHẬP, ĐẶT TÊN |                |                |                           | Nêu lý do các thôn sau sáp nhập chưa đảm bảo tiêu chí số hộ gia đình theo quy định  | Ghi chú |
|----|-------------------------|----------------|---------------------------|--|---|----------------|----------------|---------------------------|---|---------|
|    | Thôn                    | Số hộ gia đình | Thôn ĐBKK, Thôn biên giới | Nội dung sắp xếp, sáp nhập   | TT  | Tên thôn       | Số hộ gia đình | Thôn ĐBKK, Thôn biên giới |   |         |
| 10 | Thôn Kim Quán           | 116            |                           | và thôn Kim Quán thành 01 thôn mới   | 5   | Kim            | 209            |                           |   |         |
| 11 | Thôn Tà Hón             | 106            |                           | Sắp xếp 02 thôn: thôn Tà Hón và thôn Bản Chuông thành 01 thôn mới                  | 6   | Thôn Tà Hón    | 157            |                           |   |         |
| 12 | Thôn Bản Chuông         | 51             |                           |  |   |                |                |                           |   |         |
| 13 | Thôn Nà Pá              | 80             |                           | Sáp nhập 02 thôn: thôn Nà Pá và thôn Còn Sung thành 01 thôn mới                    | 7   | Thôn Nà Pá     | 163            | ĐBKK                      | Tách thôn Khe Pùng (35 hộ) chuyển về thôn (Còn Sung + Nà Pá) 20 hộ với 94 nhân khẩu; chuyển về thôn (Còn Quan + Pò Khoang + Ngàn Chả) 15 hộ với 57 nhân khẩu  |         |
| 14 | Thôn Còn Sung           | 63             |                           |  |   |                |                |                           |   |         |
| 15 | Thôn Khe Pùng           | 35             | Thôn ĐBKK                 |  |   |                |                |                           |   |         |
| 16 | Thôn Còn Quan           | 27             |                           | Sáp nhập 03 thôn: thôn Còn Quan, thôn Pò Khoang và thôn Ngàn Chả thành 01 thôn mới | 8   | Thôn Yên Vượng | 85             | ĐBKK                      | Sau sáp nhập chưa đảm bảo 150 hộ do địa bàn rộng khoảng, giao thông đi lại khó khăn. Khoảng cách với thôn liền kề khoảng 10km, nên sáp nhập thêm ảnh hưởng đến công tác quản lý, tổ chức và hoạt động của thôn. |         |
| 17 | Thôn Pò Khoang          | 23             |                           |  |   |                |                |                           |   |         |
| 18 | Thôn Ngàn Chả           | 20             | Thôn ĐBKK                 |  |   |                |                |                           |   |         |

| TT | THÔN THỰC HIỆN SÁP NHẬP |                |                           |   | THÔN MỚI HÌNH THÀNH SAU SÁP NHẬP, ĐẶT TÊN |                  |                |                           | Nêu lý do các thôn sau sáp nhập chưa đảm bảo tiêu chí số hộ gia đình theo quy định  | Ghi chú |
|----|-------------------------|----------------|---------------------------|---|---|------------------|----------------|---------------------------|---|---------|
|    | Thôn                    | Số hộ gia đình | Thôn ĐBKK, Thôn biên giới | Nội dung sắp xếp, sáp nhập  | TT  | Tên thôn         | Số hộ gia đình | Thôn ĐBKK, Thôn biên giới |   |         |
| 19 | Thôn Phật Chi           | 97             |                           | Sắp xếp 02 thôn: thôn Phật Chi và thôn Khe Mạ thành 01 thôn mới       | 9   | Thôn Phật Chi    | 187            |                           |   |         |
| 20 | Thôn Khe Mạ             | 90             |                           |   |   |                  |                |                           |   |         |
| 21 | Thôn Bình Chương 1      | 114            |                           | Sắp xếp 02 thôn: thôn Bình Chương 1 và thôn Pò Tấu thành 01 thôn mới  | 10  | Thôn Bình Chương | 169            |                           | Nhập thêm 20 hộ chuyển về từ thôn Bình Chương 2   |         |
| 22 | Thôn Pò Tấu             | 35             |                           |   |   |                  |                |                           |   |         |
| 23 | Thôn Bình Chương 2      | 64             |                           | Sắp xếp 02 thôn: thôn Bình Chương 2 và thôn Còn Áng thành 01 thôn mới | 11  | Thôn An Bình     | 86             | ĐBKK                      | Sau sáp nhập chưa đảm bảo 150 hộ do địa bàn rộng khoảng, có sự khác biệt về phong tục, tập quán, nên sáp nhập thêm ảnh hưởng đến công tác quản lý, tổ chức và hoạt động của thôn. |         |
| 24 | Thôn Còn Áng            | 42             |                           |   |   |                  |                |                           |   |         |

Chuyển 20 hộ thôn Bình Chương 2 nhập vào thôn Bình Chương 1 + thôn Pò Tấu

**UBND XÃ ĐÌNH LẬP****Phụ lục I.4****Thống kê thực trạng số lượng, chức danh người hoạt động  
không chuyên trách ở thôn  
(số liệu tính đến ngày 30/4/2026)***(Kèm Phương án của UBND xã, phường trình Sở Nội vụ trình UBND tỉnh)*

| TT       | Tên thôn           | Tổng số   | Các chức danh ở thôn |             |                              |  |
|----------|--------------------|-----------|----------------------|-------------|------------------------------|--|
|          |                    |           | Bí thư Chi bộ        | Trưởng thôn | Trưởng ban Công tác mặt trận | Ghi chú                                  |
| <i>A</i> | <i>B</i>           | <i>C</i>  | <i>1</i>             | <i>2</i>    | <i>3</i>                     |  |
|          | <b>Tổng số</b>     | <b>53</b> | <b>26</b>            | <b>2</b>    | <b>25</b>                    |  |
| 1        | Thôn 1             | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 2        | Thôn 2             | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 3        | Thôn 3             | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 4        | Thôn 4             | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 5        | Thôn 5             | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 6        | Thôn 6             | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 7        | Thôn 7             | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 8        | Thôn 8             | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 9        | Thôn Phật Chỉ      | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 10       | Thôn Khe Mạ        | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 11       | Thôn Bình Chương 1 | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 12       | Thôn Bình Chương 2 | 2         | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn                  |
| 13       | Thôn Còn Áng       | 1         | 1                    |             |                              | Bí thư kiêm Trưởng thôn, Trưởng ban CTMT |

| TT | Tên thôn        | Tổng số | Các chức danh ở thôn |             |                              |                         |
|----|-----------------|---------|----------------------|-------------|------------------------------|-------------------------|
|    |                 |         | Bí thư Chi bộ        | Trưởng thôn | Trưởng ban Công tác mặt trận | Ghi chú                 |
| 14 | Thôn Pò Tấu     | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |
| 15 | Thôn Còn Đuông  | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |
| 16 | Thôn Kim Quán   | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |
| 17 | Thôn Tà Hón     | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |
| 18 | Thôn Bản Chuông | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |
| 19 | Thôn Nà Pá      | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |
| 20 | Thôn Còn Sung   | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |
| 21 | Thôn Khe Pùng   | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |
| 22 | Thôn Còn Quan   | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |
| 23 | Thôn Pò Khoang  | 3       | 1                    | 1           | 1                            |                         |
| 24 | Thôn Ngàn Chả   | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |
| 25 | Thôn Quyết Tiến | 3       | 1                    | 1           | 1                            |                         |
| 26 | Thôn Khe Vuông  | 2       | 1                    |             | 1                            | Bí thư kiêm Trưởng thôn |

**Ghi chú:** Chỉ thống kê người đảm nhiệm chức danh chính, không thống kê chức danh kiêm nhiệm (VD: Thôn A ông Nguyễn Văn A là Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban công tác Mặt trận thì chỉ thống kê vào cột chức danh Bí thư Chi bộ, không thống kê vào cột chức danh Trưởng ban công tác Mặt trận, đồng thời ghi cụ thể tại cột ghi chú)

**UBND XÃ ĐÌNH LẬP**

**Phụ lục I.5**

**Phương án kiện toàn, thực hiện chính sách đôi dư người hoạt động không chuyên trách ở thôn (sau sắp xếp, sáp nhập)**

(Kèm Phương án của UBND xã, phương trình Sở Nội vụ trình UBND tỉnh)

| TT | Tên thôn trước sắp xếp | Tên thôn mới     | Tổng cộng       |                   | Phương án kiện toàn, đôi dư người hoạt động không chuyên trách ở thôn |                   |                 |                   |                              |                   |  | Ghi chú |
|----|------------------------|------------------|-----------------|-------------------|---|-------------------|-----------------|-------------------|------------------------------|-------------------|--|---------|
|    |                        |                  | Tiếp tục bố trí | Giải quyết đôi dư | Bí thư Chi bộ   |                   | Trưởng thôn     |                   | Trưởng ban công tác Mặt trận |                   | Người hoạt động KCT ở cấp xã thực hiện bố trí về thôn (nếu có) |         |
|    |                        |                  |                 |                   | Tiếp tục bố trí   | Giải quyết đôi dư | Tiếp tục bố trí | Giải quyết đôi dư | Tiếp tục bố trí              | Giải quyết đôi dư |  |         |
| A  | B                      | C                | 1               | 2                 | 3   | 4                 | 5               | 6                 | 7                            | 8                 | 9  | 10      |
|    | <b>Tổng số</b>         |                  | <b>18</b>       | <b>29</b>         | <b>8</b>  | <b>15</b>         | <b>1</b>        | <b>1</b>          | <b>9</b>                     | <b>13</b>         | <b>0</b>   |         |
| 1  | Thôn 1                 | Thôn Tân Tiến    | 2               | 0                 | 1   | 0                 | 0               | 0                 | 1                            | 0                 |  |         |
| 2  | Thôn 8                 |                  | 1               | 1                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 1                            | 0                 |  |         |
| 3  | Thôn Khe Vuông         | Thôn Quyết Tiến  | 2               | 0                 | 1   | 0                 | 0               | 0                 | 1                            | 0                 |  |         |
| 4  | Thôn Quyết Tiến        |                  | 0               | 3                 | 0   | 1                 | 0               | 1                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 5  | Thôn 5                 | Thôn Bình An     | 1               | 1                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 1                            | 0                 |  |         |
| 6  | Thôn 6                 |                  | 1               | 1                 | 1   | 0                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 7  | Thôn 7                 | Thôn Đại An      | 2               | 0                 | 1   | 0                 | 0               | 0                 | 1                            | 0                 |  |         |
| 8  | Thôn Còn Đuống         | Thôn Kim Quán    | 2               | 0                 | 1   | 0                 | 0               | 0                 | 1                            | 0                 |  |         |
| 9  | Thôn Kim Quán          |                  | 0               | 2                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 10 | Thôn Tà Hón            | Thôn Tà Hón      | 0               | 2                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 11 | Thôn Bán Chuông        |                  | 0               | 2                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 12 | Thôn Nà Pá             | Thôn Nà Pá       | 0               | 2                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 13 | Thôn Còn Sung          |                  | 0               | 2                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 14 | Thôn Khe Pùng          |                  | 0               | 2                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 15 | Thôn Còn Quan          | Thôn Yên Vượng   | 0               | 2                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 16 | Thôn Pò Khoang         |                  | 2               | 1                 | 0   | 1                 | 1               | 0                 | 1                            | 0                 |  |         |
| 17 | Thôn Ngân Chả          |                  | 0               | 2                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 18 | Thôn Phật Chỉ          | Thôn Phật Chỉ    | 0               | 2                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |
| 19 | Thôn Khe Mạ            |                  | 0               | 2                 | 0   | 1                 |                 |                   | 0                            | 1                 |  |         |
| 20 | Thôn Bình Chương 1     | Thôn Bình Chương | 2               | 0                 | 1   | 0                 | 0               | 0                 | 1                            | 0                 |  |         |
| 21 | Thôn Pò Tấu            |                  | 0               | 2                 | 0   | 1                 | 0               | 0                 | 0                            | 1                 |  |         |

| TT | Tên thôn trước sắp xếp | Tên thôn mới | Tổng cộng       |                   | Phương án kiện toàn, dôi dư người hoạt động không chuyên trách ở thôn |                   |                 |                   |                              |                   | Ghi chú |  |
|----|------------------------|--------------|-----------------|-------------------|---|-------------------|-----------------|-------------------|------------------------------|-------------------|---------|--|
|    |                        |              | Tiếp tục bố trí | Giải quyết dôi dư | Bí thư Chi bộ   |                   | Trưởng thôn     |                   | Trưởng ban công tác Mặt trận |                   |         | Người hoạt động KCT ở cấp xã thực hiện bố trí về thôn (nếu có) |
|    |                        |              |                 |                   | Tiếp tục bố trí   | Giải quyết dôi dư | Tiếp tục bố trí | Giải quyết dôi dư | Tiếp tục bố trí              | Giải quyết dôi dư |         |  |
| 22 | Thôn Bình Chương 2     | Thôn An Bình | 2               | 0                 | 1   | 0                 | 0               | 0                 | 1                            | 0                 |         |  |
| 23 | Thôn Cồn Áng           |              | 1               | 0                 | 1   | 0                 | 0               | 0                 | 0                            | 0                 |         |  |

**Ghi chú:**

- Chỉ thống kê người đảm nhiệm chức danh chính, không thống kê chức danh kiêm nhiệm (VD: Thôn A ông Nguyễn Văn A là Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban công tác Mặt trận thì chỉ thống kê vào cột chức danh Bí thư Chi bộ, không thống kê vào cột chức danh Trưởng ban công tác Mặt trận)
- Trường hợp người hoạt động không chuyên trách không bố trí chức danh cũ mà dự kiến bố trí chức danh khác, không giải quyết dôi dư thì ghi cụ thể vào phần ghi chú (VD: Sáp nhập thôn A và thôn B, dự kiến Bí thư Chi bộ thôn A tiếp tục bố trí giữ chức Bí thư chi bộ thôn mới, Bí thư chi bộ thôn B bố trí giữ chức Phó Bí thư Chi bộ thôn mới thì không tổng hợp vào cột giải quyết dôi dư và ghi vào cột ghi chú (Bố trí Bí thư Chi bộ thôn B giữ chức Phó Bí thư Chi bộ thôn mới).
- Các thôn, tổ dân phố sau sắp xếp, sáp nhập (nếu chưa có tên thôn/tổ dân phố mới thì ghi tên các thôn/tổ dân phố sáp nhập vào nhau)